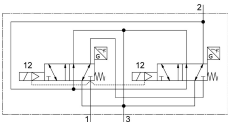
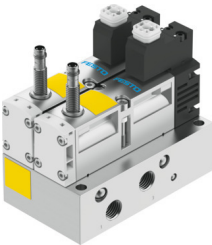


Khởi động điều khiển

VOFA-L26-T32C-M-G14-1C1-APP

Số bộ phận: 574011



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	3/2 đóng đơn ổn định
Kiểu vận hành	điện
Chiều rộng lắp đặt	65 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	1050 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	G1/4
Điện áp vận hành	24V DC
Áp suất vận hành	0.3 MPA...1 MPA 3 bar...10 bar 43.5 psi...145 psi
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Mức độ bảo vệ	IP65 NEMA 4
Giấy phép	c UL us - Recognized (OL)
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo Chỉ thị máy móc của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo quy định của Vương quốc Anh đối với máy móc
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL MH19482
Chức năng khí xả	có thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Tuân theo tiêu chuẩn	EN 60947-5-2
Nút ghi đè	không
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
kiểm soát cung cấp không khí	trong
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Nguyên tắc đo lường	cảm ứng
Xếp chồng	gối chồng dương
Cảm biến bảo vệ phân cực ngược	cho tất cả các cổng nối điện
Chức năng an toàn	Thông gió Bảo vệ chống thao tác, bảo vệ chống khởi động bất ngờ

Đặc tính	Giá trị
Mức hiệu suất (PL)	Thoát khí / đến hạng mục 4, Mức hiệu suất e Bảo vệ chống thao tác, bảo vệ chống lại sự khởi động không mong muốn / lên đến hạng mục 4, mức hiệu suất e
Lưu ý về lấy mẫu động bất buộc	Tần suất chuyển mạch ít nhất 1/tuần
Hiển thị trạng thái tín hiệu	với phụ kiện
Truy vấn vị trí chuyển mạch	Vị trí nghỉ ngơi với cảm biến
Hiển thị trạng thái chuyển mạch cảm biến	Đèn LED
Áp suất điều khiển	0.3 MPA...1 MPA 3 bar...10 bar
Phù hợp với chân không	không
Lưu lượng bình thường thoát khí 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi)	2650 l/ph
Lưu lượng bình thường thoát khí 0,6-> 0 MPa (6-> 0 bar, 87-> 0 psi) trong trường hợp lỗi	1050 l/ph
Thời gian chuyển mạch tắt	54 ms
Thời gian chuyển mạch bật	24 ms
Van - thời gian chuyển đổi cảm biến bật	58 ms
Van - thời gian chuyển đổi cảm biến tắt	11 ms
Thời gian bật	100%
Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0	1000 µs
Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu	800 µs
Đầu ra chuyển mạch	PNP
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 1,8 W
Dao động điện áp cho phép	-15 % / +10 %
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Trường giao thoa từ trường tối đa	60 mT
Nhiệt độ trung bình	-5 °C...50 °C
Mức áp suất âm thanh	85 dB(A)
Bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp	PELV Loại bảo vệ theo EN60950/IEC 950
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Chiều cao vận hành định mức	1000 m theo VDE 0580
trọng lượng sản phẩm	1134 g
Dải điện áp hoạt động DC cảm biến	10 V...30 V
Cảm biến điện trở ngắn mạch	theo chu kì
Cảm biến dòng điện không tải	10 mA
Dòng điện đầu ra tối đa cảm biến	200 mA
Tần số chuyển mạch tối đa cảm biến	5000 Hz
Sóng dư cảm biến	± 10 %
Sụt áp cảm biến	2 V
Cổng nối điện	Dạng C theo EN 175301-803 không có dây dẫn bảo vệ
kết nối cảm biến	Giắc cắm 3 cực M8x1
Kiểu gắn	với lỗ xuyên
Cổng nối khí nén 1	G1/4
Cổng nối khí nén 2	G1/4

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối khí nén 3	G1/4
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	FPM HNBR NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực PA
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm
Chức năng phần tử chuyển mạch	Cơ cấu mở